

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05/12/2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/. Ông **Phạm Hữu Thắng**

2/. Bà **Võ Ngọc Các**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thu Hồng**, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà **Phạm Thúy Trang** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 /12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2017/TLST-HNGĐ, ngày 06/9/2017 về “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lý Ngọc A**, sinh năm 19xx (có mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số A, đường B, khóm C, phường D, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú tại: Số A1 đường H, khóm A3, phường A4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông **Bùi Thanh H**, sinh năm 19XX (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường B, khóm C, phường D, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 01/9/2017 của nguyên đơn là bà Lý Ngọc A và

một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn Bùi Thanh H kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, (thị xã Sóc Trăng) nay là thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân giữa ông, bà là tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn ông bà về nhà cha mẹ ruột của bị đơn H sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, bị đơn H thường xuyên uống rượu, cờ bạc, mỗi lần nhậu bị đơn H thường đập phá đồ đạc trong nhà, có lúc còn đánh nguyên đơn. Nay nguyên đơn Lý Ngọc A nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không hạnh phúc nên nguyên đơn A yêu cầu được ly hôn với bị đơn Bùi Thanh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống nguyên đơn A và bị đơn H có 02 người con chung tên Bùi Thanh H, sinh ngày 13/9/20XX và Bùi Thanh H1, sinh ngày 03/9/20XX. Hiện nay, cháu Bùi Thanh H đang sống cùng bị đơn H và gia đình bị đơn tại địa chỉ số A, đường B, khóm C, phường D, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, còn cháu Bùi Thanh H1 hiện đang sống cùng với nguyên đơn A tại địa chỉ số A1 đường H, khóm A3, phường A4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thanh H1 và đồng ý cho ông H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thanh H, không ai phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên hòa giải ngày 21/9/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Bùi Thanh H đều thừa nhận những lời trình bày của nguyên đơn Lý Ngọc A về thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung như nguyên đơn A trình bày là đúng sự thật. Bị đơn H không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ và các con.

Nếu phải ly hôn thì bị đơn H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là cháu Bùi Thanh H, sinh ngày 13/9/20xx và cháu Bùi Thanh H1, sinh ngày 03/9/20xx cho đến khi cháu H và cháu H1 đến đủ 18 tuổi, bị đơn H không yêu cầu nguyên đơn A phải cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu H1.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố

tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn Lý Ngọc A và bị đơn Bùi Thanh H đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Ngọc A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về nội dung vụ án:**

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Lý Ngọc A và bị đơn Bùi Thanh H đều trình bày thống nhất về quan hệ hôn nhân và con cái như sau: Nguyên đơn và bị đơn Bùi Thanh H kết hôn năm 20XX có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường D, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn; nguyên đơn và bị đơn có 02 người con chung tên Bùi Thanh H, sinh ngày 13/9/20XX và Bùi Thanh H1, sinh ngày 03/9/20XX. Lời trình bày nêu trên của các đương sự phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn và các giấy khai sinh của cháu H và cháu H1 mà nguyên đơn A đã cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[2] Nguyên đơn Lý Ngọc A trình bày rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, bị đơn H thường xuyên uống rượu, cờ bạc, mỗi lần nhậu bị đơn H thường đập phá đồ đạc trong nhà, có lúc còn đánh nguyên đơn. Tuy nhiên, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nguyên đơn A và bị đơn H đã sống ly thân hơn một tháng nay. Nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương bị đơn H nữa, nên yêu cầu được ly hôn bị đơn H.

[3] Tại phiên tòa bị đơn Bùi Thanh H cho rằng còn yêu thương nguyên đơn Lý Ngọc A, nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bị đơn H không đưa ra được biện pháp nào để nguyên đơn A có thể xem xét, chấp nhận tiếp tục sống chung với bị đơn H. Tại phiên tòa, nguyên đơn A vẫn kiên quyết xin ly hôn bị đơn H.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân trong thời gian tương đối dài, không lo lắng, chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương bị đơn nữa, tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn A.

[4] Về nuôi con chung: Nguyên đơn A yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là cháu Bùi Thanh H1, sinh ngày 03/9/20XX và đồng ý cho bị đơn H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thanh H1, sinh ngày 13/9/20XX. Nguyên đơn A yêu cầu không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung. Bị đơn H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung và không yêu cầu nguyên đơn A cấp dưỡng nuôi các con chung.

Xét thấy, cháu Bùi Thanh H và cháu Bùi Thanh H1 đều chưa đến tuổi trưởng thành, cần có sự chăm sóc của cả cha lẫn mẹ. Trên thực tế, cháu H1 đã và đang sống chung với mẹ là nguyên đơn A, cuộc sống về mọi mặt vẫn được đảm bảo, vì vậy, cần giao cháu H1 cho nguyên đơn H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý. Riêng cháu Bùi Thanh H đã và đang sống với cha là bị đơn H từ nhỏ đến nay, cuộc sống về mọi mặt đã ổn định và được đảm bảo tốt, tuy cháu H có nguyện vọng được sống chung với mẹ là nguyên đơn A nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn A trình bày cháu H hiện đang sống bên nhà bị đơn H và cháu H cũng đã sống tại nhà bị đơn H từ nhỏ cho đến nay, cuộc sống về mọi mặt vẫn được đảm bảo. Nên nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu là đồng ý cho bị đơn H được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu H. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu H cho bị đơn H trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Nguyên đơn A và bị đơn H được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở bà A và ông H thực hiện quyền này, theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra để xem xét.

[6] **Về tài sản chung, nợ chung:** Do các đương sự tự khai không có tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[7] **Về án phí:** Nguyên đơn A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 272, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lý Ngọc A và ông Bùi Thanh H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên cháu Bùi Thanh H1, sinh ngày 03/9/20XX hiện đang sống chung với bà A cho bà Lý Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Giao con chung tên cháu Bùi Thanh H, sinh ngày 13/9/20XX hiện đang sống chung với ông H cho ông Bùi Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra để xem xét.

2.3. Nguyên đơn A và bị đơn H được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở bà A và ông H thực hiện quyền này, theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự tự khai không có tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Lý Ngọc A phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0007876, ngày 01/9/2017, nguyên đơn A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn Lý Ngọc A và bị đơn Bùi Thanh H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND phường D, TP Sóc Trăng
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Kim Huệ**